

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5508 /UBND-TH

Đồng Nai, ngày 16 tháng 9 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025
của Chính phủ liên quan điều chỉnh
Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới)

Kính gửi:

- Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chủ tịch UBND các xã, phường.

Thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ, trong đó **tập trung khẩn trương rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới)** với nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Đối với các sở, ban, ngành (theo danh sách đính kèm):

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch, Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ, các Quy hoạch tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định: số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023, số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024, số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024; Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 và tình hình triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Phước, tỉnh Đồng Nai đến nay (dự ước đến năm 2025) **khẩn trương rà soát, xây dựng báo cáo, đề xuất các nội dung của ngành, lĩnh vực liên quan đến điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới)** theo Phụ lục Đề cương báo cáo đính kèm văn bản này và gửi về Sở Tài chính - Cơ quan lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để tổng hợp. Thời gian hoàn thành **trước ngày 02/10/2025**.

b) Đối với Sở Tài chính:

Giao Sở Tài chính - Cơ quan lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày

28/8/2025 của Chính phủ. Thời gian hoàn thành báo cáo UBND tỉnh **trong tháng 10/2025**.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi về Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý cụ thể.

(Đính kèm: Nghị quyết của Chính phủ; Danh sách các sở, ban, ngành báo cáo và Phụ lục Đề cương báo cáo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH và các phòng.

 **CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức



Danh sách

Các sở, ban, ngành báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới)

(Kèm theo Công văn số 5508 /UBND-TH ngày 16/9/2025 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị chủ trì báo cáo	Thời kỳ báo cáo	Phụ lục Đề cương báo cáo	Ghi chú
1	Sở Xây dựng	Giai đoạn 2015-2025	Phụ lục số 1	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Phụ lục số 2	
3	Sở Công thương		Phụ lục số 3	
4	Sở Khoa học và Công nghệ		Phụ lục số 4	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo		Phụ lục số 5	
6	Sở Y tế		Phụ lục số 6	
7	Sở Nội vụ		Phụ lục số 7	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Phụ lục số 8	
9	Sở Dân tộc và Tôn giáo		Phụ lục số 9	
10	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế		Phụ lục số 10	
11	Thống kê tỉnh		Phụ lục số 11	

SỞ XÂY DỰNG

Phụ lục 1

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Xây dựng

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển

2.1. Về hạ tầng giao thông;

2.2. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

2.3. Về mô hình đô thị sân bay (gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành)

2.4. Triển khai các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp, tập trung phát triển: các khu đô thị - du lịch - dịch vụ kề cận sân bay Long Thành; khu đô thị - du lịch núi Chúa Chan, hồ Núi Le; chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai (ưu tiên khu vực thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch).

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn;

3.2. Đánh giá thực trạng phát triển các khu chức năng và các khu vực có vai trò động lực;

3.3. Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

3.3.1 Phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Phát triển hệ thống giao thông kết nối vùng
- Nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã

b) Đường sắt

c) Đường thủy nội địa

d) Cảng biển, cảng cạn

đ) Cảng hàng không

e) Trung tâm logistics

g) Cầu đường bộ kết nối các tỉnh thành lân cận

3.3.2. Phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Phát triển mạng lưới cấp nước

b) Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

3.3.3. Phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

b) Khu nghĩa trang

3.3.4. Phát triển nhà ở

3.4. Đánh giá phát triển vận tải-logistics

4. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

5.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

5.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

5.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

5.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển)

3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

4. Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn (đề xuất xác định khu vực phát triển đô thị và khu vực phát triển nông thôn)

5. Phương án phát triển các khu chức năng

6. Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển; sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển mạng lưới đường giao thông kết nối nội bộ của tỉnh (đặc biệt lưu ý kết nối phía Bắc và phía Nam qua rừng Quốc gia Cát Tiên, Mã Đà).

7. Phương án phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang.

9. Đề xuất định hướng phát triển không gian ngầm.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

10.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

10.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

10.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

10.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

11. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 2

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Nông nghiệp và Môi trường

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển

2.1. Về hạ tầng thủy lợi

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến mục tiêu giảm phát thải cac-bon.

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Đánh giá thực trạng phát triển ngành nông nghiệp

3.2. Đánh giá thực trạng phát triển ngành lâm nghiệp

3.3. Đánh giá thực trạng phát triển ngành thủy sản

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

4.1. Đánh giá thực trạng sử dụng đất

4.2. Đánh giá thực trạng bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

a) Đánh giá thực trạng bảo vệ môi trường

c) Đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

d) Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

5. Phương án Phát triển các khu chức năng

5.1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phát triển các khu sản xuất nông nghiệp tập trung

5.2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

6. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

7.1. Giải pháp về môi trường

7.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển)

3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

4. Phương án phát triển các khu chức năng (Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung)

5. Phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước nông thôn

6. Định hướng phát triển không gian ngầm

6.1. Định hướng phát triển không gian ngầm cho khu vực ngoài phạm vi mức giới hạn độ sâu thuộc quyền sử dụng của người sử dụng đất;

6.2. Định hướng phân vùng phát triển không gian ngầm gồm: khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm.

7. Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

8. Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

9. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- 9.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư
- 9.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- 9.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
- 9.4. Giải pháp về môi trường
- 9.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
- 10. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ CÔNG THƯƠNG**Phụ lục 3**

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Công thương

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực****2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển****2.1. Về hạ tầng năng lượng**

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến mục tiêu giảm phát thải cac-bon.

2.3. Thu hút các dự án công nghiệp hiện đại, có giá trị tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với giá trị toàn cầu.

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực**3.1. Đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp****3.2. Đánh giá thực trạng phát triển ngành Thương mại****3.3. Đánh giá thực trạng phát triển logistics****4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội**

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển các khu chức năng (Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phát triển các cụm công nghiệp)

6. Phương án Phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội**6.1. Đánh giá phát triển mạng lưới cấp điện****6.2. Đánh giá phát triển hạ tầng năng lượng, dự trữ xăng dầu, khí đốt****6.3. Đánh giá phát triển kết cấu hạ tầng thương mại****7. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

8. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

8.1. Giải pháp về cơ chế chính sách liên kết phát triển

8.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)

3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

4. Phương án phát triển các khu chức năng (Phát triển các cụm công nghiệp).

5. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội

5.1. Phát triển mạng lưới cấp điện

5.2. Phát triển hạ tầng năng lượng, dự trữ xăng dầu, khí đốt

5.3. Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phụ lục 4

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Khoa học và Công nghệ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển

2.1. Xây dựng Khu trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ thông tin tập trung, các dự án chuyển đổi số.

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến mục tiêu giảm phát thải cac-bon.

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

Đánh giá thực trạng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ

3.1. Phát triển khoa học và công nghệ

3.1. Đổi mới sáng tạo

3.1. Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển các khu chức năng

5.1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện Phương án phát triển khu công nghệ cao

5.2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện khu công nghệ thông tin tập trung

5.3. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện khu đổi mới sáng tạo

6. Phương án Phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội

6.1. Đánh giá phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.2. Đánh giá phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

6.2.1. Mạng bưu chính

6.2.2. Hạ tầng số

6.2.3. Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin

6.2.4. Công nghiệp công nghệ thông tin

7. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

8. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

8.1. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

8.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

8.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

8.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)

3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

4. Phương án phát triển các khu chức năng (Phát triển các khu chức năng).

5. Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội

5.1. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

5.2. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- 6.1. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- 6.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
- 6.3. Giải pháp về khoa học - công nghệ
- 6.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
- 7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 5

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Giáo dục và Đào tạo

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển

2.1. Hạ tầng Giáo dục.

2.2. Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến phát triển các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho Vùng Đông Nam Bộ.

2.3. Về đào tạo nguồn nhân lực

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Đánh giá thực trạng phát triển Giáo dục và Đào tạo

3.2. Đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp

3.3. Đánh giá về công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển hạ tầng xã hội (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo)

5.1. Giáo dục mầm non và phổ thông

5.2. Giáo dục Đại học

5.3. Giáo dục nghề nghiệp

6. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- 8.1. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- 8.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
- 8.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- 1. Kết quả đạt được
- 2. Hạn chế
- 3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

- 1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực
 - 1.1. Quan điểm
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 1.2.2. Mục tiêu cụ thể
- 2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)
- 3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh
- 4. Phương án phát triển các khu chức năng (Phát triển các khu chức năng (nếu có)).
- 5. Phương án phát triển hạ tầng xã hội
 - 5.1. Giáo dục mầm non và phổ thông
 - 5.2. Giáo dục Đại học
 - 5.3. Giáo dục nghề nghiệp
- 6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch
 - 6.1. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
 - 6.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
 - 6.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
- 7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ Y TẾ**Phụ lục 6**

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Y tế

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực****2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển****2.1. Hạ tầng y tế****2.2. Hạ tầng an sinh xã hội****3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực****3.1. Đánh giá thực trạng phát triển y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân****3.2. Đánh giá thực trạng phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội**

3.3. Đánh giá thực hiện chế độ, chính sách chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển hạ tầng xã hội**5.1. Phát triển hạ tầng y tế****5.2. Phát triển hạ tầng bảo trợ xã hội****6. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**7.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư****7.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực****7.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển****7.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch****II. ĐÁNH GIÁ CHUNG****1. Kết quả đạt được**

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

1.1. Quan điểm

1.2. Mục tiêu phát triển

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)

3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh

4. Phương án phát triển các khu chức năng (Phát triển các khu chức năng (nếu có)).

5. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

5.1. Phát triển hạ tầng y tế

5.2. Phát triển hạ tầng bảo trợ xã hội

6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

6.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

6.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

6.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

6.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ NỘI VỤ**Phụ lục 7**

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Nội vụ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực****2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển****2.1. Hạ tầng an sinh xã hội**

2.2. Về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2.3. Về cải cách thủ tục hành chính**3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực****3.1. Đánh giá thực trạng lao động và việc làm****3.2. Đánh giá thực hiện chế độ, chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng người có công****4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội**

4.1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

4.2. Đánh giá tình hình thực hiện chính sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính quyền địa phương 02 cấp

5. Phương án Phát triển hạ tầng xã hội (Phát triển hạ tầng các cơ sở, trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người có công)

6. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**7.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư****7.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực****7.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển****7.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch****II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Kết quả đạt được
2. Hạn chế
3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực
 - 1.1. Quan điểm
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 1.2.2. Mục tiêu cụ thể
2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (Đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)
3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh
4. Phương án phát triển hạ tầng xã hội (Phát triển các cơ sở, trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người có công)
5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch
 - 5.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư
 - 5.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
 - 5.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
 - 5.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
6. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Phụ lục 8

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển

Triển khai các dự án du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp, tập trung phát triển: các khu đô thị - du lịch - dịch vụ kề cận sân bay Long Thành; khu đô thị - du lịch núi Chúa Chan, hồ Núi Le; chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Phát triển văn hóa

3.2. Phát triển thể thao

3.3. Phát triển du lịch

3.4. Phát triển báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử và xuất bản

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển các khu chức năng

5.1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phương án phát triển các khu du lịch

5.2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện phương án phát triển các khu thể dục thể thao

6. Phương án Phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Đánh giá phát triển hạ tầng văn hóa

6.2. Đánh giá phát triển hạ tầng thể thao

6.3. Đánh giá phát triển hạ tầng du lịch

6.4. Đánh giá phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản

7. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

8. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- 8.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư
- 8.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- 8.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
- 8.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Hạn chế
3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực
 - 1.1. Quan điểm
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 1.2.2. Mục tiêu cụ thể
2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực)
3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh
4. Phương án phát triển các khu chức năng
5. Phương án phát triển hạ tầng xã hội
 - 5.1. Phát triển hạ tầng văn hóa
 - 5.2. Phát triển hạ tầng thể thao
 - 5.3. Phát triển hạ tầng du lịch
 - 5.4. Phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản
6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- 6.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư
- 6.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- 6.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
- 6.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
- 7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Phụ lục 9

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Sở Dân tộc và Tôn Giáo

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực (nếu có)

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển (nếu có)

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Phát triển dân tộc

3.2. Phát triển tôn giáo

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển các khu chức năng (nếu có)

6. Phương án Phát triển hạ tầng xã hội

7. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

8. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

8.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

8.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

8.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

8.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế

3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực

- 1.1. Quan điểm
- 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 1.2.2. Mục tiêu cụ thể
2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực) (nếu có)
3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh
4. Phương án phát triển các khu chức năng
5. Phương án phát triển hạ tầng xã hội
6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch
 - 6.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư
 - 6.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
 - 6.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
 - 6.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
7. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

Phụ lục 10

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực (nếu có)

2. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển (nếu có)

3. Đánh giá phát triển ngành, lĩnh vực

3.1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế

3.2. Đánh giá về tình hình đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế

3.3. Đánh giá tình hình thu hút đầu tư các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế

3.4. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm

4. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế-xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình triển khai cụ thể hóa định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

5. Phương án Phát triển các khu chức năng

Đánh giá phương án phát triển các khu công nghiệp, các khu kinh tế

6. Danh mục dự án và ưu tiên thực hiện

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao các Sở ngành báo cáo tình hình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh đối với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, Bình Phước (trước sắp xếp).

7. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

7.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

7.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

7.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

7.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được
2. Hạn chế
3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển của ngành/lĩnh vực
 - 1.1. Quan điểm
 - 1.2. Mục tiêu phát triển
 - 1.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 1.2.2. Mục tiêu cụ thể
2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (đề xuất xác định các khu vực động lực ưu tiên phát triển đối với ngành/lĩnh vực) (nếu có)
3. Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh
4. Phương án phát triển các khu chức năng
5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch
 - 5.1. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư
 - 5.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
 - 5.3. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển
 - 5.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch
6. Đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH HỢP VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Các Sở ngành đề xuất phương án tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng nhiệm vụ được giao.

THỐNG KÊ TỈNH**Phụ lục 11**

Đề cương báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề xuất điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai mới của Thống kê tỉnh

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Báo cáo đánh giá về tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- a) Tăng trưởng kinh tế
- b) Cơ cấu kinh tế
- c) Quy mô kinh tế, thu nhập bình quân đầu người

1.3. Báo cáo đánh giá về tình hình sản xuất công nghiệp, nông, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ

- a) Tình hình sản xuất công nghiệp
- b) Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản
- c) Tình hình phát triển thương mại dịch vụ

1.4. Đánh giá về dân số, lao động, việc làm

1.5. Đánh giá về giáo dục và đào tạo; mức sống dân cư

2. Cung cấp thông tin, số liệu giai đoạn 2015-2025 theo nội dung đánh giá của mục 1.1 đến 1.5.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- 1. Kết quả đạt được
- 2. Hạn chế
- 3. Những vấn đề cần giải quyết

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI (MỚI)

Trên cơ sở báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực giai đoạn 2021-2025, đề nghị Thống kê tỉnh đề xuất mục tiêu trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66.2 /2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi).

Điều 2. Đối tượng, nguyên tắc và quy định về lập điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

1. Đối tượng điều chỉnh quy hoạch

a) Quy hoạch cấp quốc gia bị tác động bởi việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp hoặc để thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030;

b) Quy hoạch vùng, gồm: vùng trung du và miền núi phía Bắc; vùng đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ; vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long;

c) Quy hoạch của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp hoặc để thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030.

2. Nguyên tắc lập điều chỉnh quy hoạch

a) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, kế thừa, ổn định trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

b) Các quy hoạch được phép lập điều chỉnh đồng thời;

c) Việc thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch không gian biên quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

3. Quy định về lập điều chỉnh quy hoạch

a) Không thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ lập quy hoạch;

b) Không thực hiện việc lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

c) Không thực hiện việc thẩm định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia.

Điều 3. Kinh phí điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030

1. Chi phí lập điều chỉnh, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố điều chỉnh quy hoạch được sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên hoặc nguồn vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền giao trong năm 2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép áp dụng quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) và Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch để xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch và thanh toán, quyết toán nguồn vốn điều chỉnh quy hoạch.

Điều 4. Trình tự lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030

1. Trình tự lập, quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia được thực hiện như sau:

a) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch triển khai lập điều chỉnh quy hoạch, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm: báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

d) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo ý kiến góp ý của các cơ quan, trình Chính phủ xem xét, thông qua hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trước khi báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia được thực hiện như sau:

a) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh quy hoạch theo quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch triển khai lập điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch, gửi xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

d) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia theo ý kiến góp ý của các cơ quan;

đ) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch rà soát nội dung điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia bảo đảm phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Quốc hội quyết định; trình thẩm định và trình phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; chỉ đạo cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh quy hoạch theo quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch lập điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

d) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia theo ý kiến góp ý của các cơ quan;

đ) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch rà soát nội dung điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia bảo đảm phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Quốc hội quyết định; báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch trước khi trình thẩm định và trình phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

4. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch vùng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán lập, điều chỉnh quy hoạch theo quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch triển khai lập điều chỉnh quy hoạch vùng theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch, gửi xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vùng;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

d) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch vùng theo ý kiến góp ý của các cơ quan;

đ) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch vùng rà soát nội dung điều chỉnh quy hoạch vùng bảo đảm phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Quốc hội quyết định; trình thẩm định và trình phê duyệt theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh được thực hiện như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch quyết định nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; chỉ đạo cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch trên cơ sở nội dung quy hoạch cần điều chỉnh; tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung quy hoạch cần điều chỉnh và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi xin ý kiến các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên kề và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến;

d) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch tiếp thu, giải trình và hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo ý kiến góp ý của các cơ quan;

đ) Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch rà soát nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được Quốc hội quyết định; báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch trước khi trình thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính lập điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 theo chủ trương, định hướng điều chỉnh đã được Hội nghị lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thông qua, trình Chính phủ xem xét, thông qua trước khi trình Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 10; lập điều chỉnh quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ trên cơ sở quy hoạch vùng Bắc trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, lập điều chỉnh quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trên cơ sở quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030 và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, lập điều chỉnh quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc trên cơ sở quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, lập điều chỉnh quy hoạch vùng

đồng bằng sông Hồng trên cơ sở quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, lập điều chỉnh quy hoạch vùng Đông Nam Bộ trên cơ sở quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, lập điều chỉnh quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10 theo quy định của Luật Quy hoạch; rà soát quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được quyết định, trường hợp cần điều chỉnh thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3. Các bộ được giao tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia rà soát quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý; trường hợp cần điều chỉnh thì thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 2 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết này.

5. Cơ quan có thẩm quyền được sử dụng tên địa danh, vị trí, phạm vi địa lý trước sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 kết hợp với tên địa danh, vị trí, phạm vi địa lý sau khi sáp nhập để thực hiện việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án, nhiệm vụ cho đến khi quy hoạch được điều chỉnh hoặc thay thế.

6. Đối với các địa phương có sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền được phép căn cứ các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh để thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án, nhiệm vụ đã có trong quy hoạch tỉnh hoặc phù hợp với các quy hoạch tỉnh tương ứng trước khi sáp nhập.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành cho đến khi Luật Quy hoạch (sửa đổi) có hiệu lực nhưng không quá ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh của các địa phương không sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch trước ngày Nghị quyết này có

hiệu lực thi hành, đã được gửi xin ý kiến và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch thì việc thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh của các địa phương không sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chưa gửi xin ý kiến hồ sơ điều chỉnh quy hoạch thì việc hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

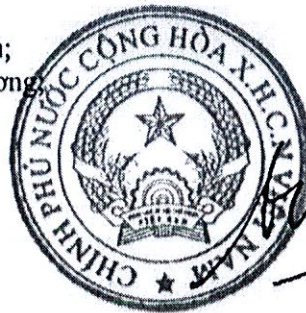
4. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về trình tự, thủ tục trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp Luật Quy hoạch (sửa đổi) có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch (sửa đổi).

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi; không để sơ hở, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b) DTQ. *72*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng